

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Tôn Thiện Việt	Chủ tịch
Ông Đỗ Tuấn Bình	Ủy viên thường trực
Ông Vũ Thành Lê	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên
Ông Ân Thanh Sơn	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Tuấn Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Hân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 15/04/2011)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 15/06/2011)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Tuấn Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2011

Số: 91 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PV2**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần PV2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 16. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét được nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Trương Anh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 08 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Duy Cường**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>360.831.120.494</b>	<b>417.623.664.470</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>17.517.841.089</b>	<b>18.911.751.796</b>
1. Tiền	111		4.517.841.089	4.911.751.796
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	14.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>195.041.545.559</b>	<b>134.345.379.170</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		199.191.353.789	136.226.652.200
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.149.808.230)	(1.881.273.030)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.493.226.450</b>	<b>78.065.973.186</b>
1. Phải thu khách hàng	131		49.901.000.000	75.088.495.102
2. Trả trước cho người bán	132		11.692.293.400	596.734.621
3. Các khoản phải thu khác	135		8.899.933.050	2.380.743.463
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.079.789.492</b>	<b>727.572.412</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.079.789.492	727.572.412
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>76.698.717.904</b>	<b>185.572.987.906</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		150.192.160	65.309.091
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		490.209.714	146.008.785
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	76.058.316.030	185.361.670.030
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>216.890.702.717</b>	<b>200.951.014.404</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>125.056.672.262</b>	<b>117.447.163.269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	927.449.415	1.120.553.582
- Nguyên giá	222		3.021.097.222	3.021.531.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.093.647.807)	(1.900.977.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	14.045.000
- Nguyên giá	228		95.400.000	95.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.400.000)	(81.355.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	124.129.222.847	116.312.564.687
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>90.530.601.775</b>	<b>83.503.851.135</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>10</b>	15.500.000.000	15.500.000.000
2. Góp vốn liên doanh	253	<b>11</b>	60.030.601.775	53.003.851.135
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.303.428.680</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.303.428.680	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>577.721.823.211</b>	<b>618.574.678.874</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310)	<b>300</b>		<b>177.481.642.179</b>	<b>224.234.685.231</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>177.481.642.179</b>	<b>224.234.685.231</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	166.679.958.333
2. Phải trả người bán	312		535.903.150	1.025.833.650
3. Người mua trả tiền trước	313		630.672.420	160.873.020
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.618.980.799	2.323.060.275
5. Phải trả người lao động	315		328.225.749	-
6. Chi phí phải trả	316		866.663.635	130.760.643
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	170.406.870.018	53.337.777.606
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.094.326.408	576.421.704
<b>B. NGUỒN VỐN</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>400.240.181.032</b>	<b>394.339.993.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>400.240.181.032</b>	<b>394.339.993.643</b>
1. Vốn điều lệ	411		373.500.000.000	373.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.790.387.000	2.919.634.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(3.146.641.789)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.853.240.109	1.404.699.037
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.853.240.109	1.404.699.037
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.389.955.603	15.110.961.569
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>577.721.823.211</b>	<b>618.574.678.874</b>



Đỗ Tuấn Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2011

Phan Xuân Thắng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	24.797.426.263	47.097.391.758
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.797.426.263	47.097.391.758
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		22.761.310.371	42.109.839.475
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.036.115.892	4.987.552.283
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	27.173.518.141	29.127.860.205
6. Chi phí tài chính	22	18	11.853.531.916	10.079.842.513
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.967.124.794	4.340.715.673
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		12.388.977.323	19.694.854.302
9. Thu nhập khác	31		4.457.427.218	49.696.000
10. Chi phí khác	32		14.515.227	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.442.911.991	49.696.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.831.889.314	19.744.550.302
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	4.111.518.641	4.522.993.676
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.720.370.673	15.221.556.626
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	341	834



Đỗ Tuấn Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2011

Phan Xuân Thắng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.831.889.314	19.744.550.302
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	206.715.245	305.102.566
Các khoản dự phòng	03	2.268.535.200	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	11.157.174.904	-
Chi phí lãi vay	06	8.378.055.555	10.079.842.513
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.842.370.218	30.129.495.381
Giảm các khoản phải thu	09	7.572.746.736	(4.073.790.392)
Giảm (Tăng) hàng tồn kho	10	(352.217.080)	2.229.113.933
(Giảm) Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.146.140.859)	(8.042.439.630)
(Tăng) Giảm chi phí trả trước	12	(1.388.311.749)	(314.277.010)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(365.079.846)	(3.866.186.488)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>36.163.367.420</i>	<i>16.061.915.794</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.816.224.238)	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	34.837.276.578	25.981.878.639
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.026.750.640)	(150.304.122.899)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>19.994.301.700</i>	<i>(124.322.244.260)</i>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	129.247.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	110.024.965.156	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.705.791.983)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(891.875.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(57.551.579.827)</i>	<i>(891.875.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.393.910.707)	(109.152.203.466)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.911.751.796	117.885.913.027
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.517.841.089	8.733.709.561



Đỗ Tuấn Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2011

Phan Xuân Thắng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 31 người (30/06/2010: 31 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ kinh doanh và đầu tư bất động sản;
- Dịch vụ và đầu tư tài chính.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 theo yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ thấp hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.066.080.208	411.660.271
Tiền gửi không kỳ hạn	2.451.760.881	4.500.091.525
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.000.000.000	14.000.000.000
	<u><u>17.517.841.089</u></u>	<u><u>18.911.751.796</u></u>

(\*) Các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống được phân loại là các khoản tương đương tiền.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	38.657.518.789	37.882.642.200
Hợp đồng ủy thác đầu tư trả chậm (*)	11.425.000.000	25.680.000.000
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (**)	47.886.595.000	72.664.010.000
Đầu tư ngắn hạn khác (***)	101.222.240.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (****)	(4.149.808.230)	(1.881.273.030)
	<u><u>195.041.545.559</u></u>	<u><u>134.345.379.170</u></u>

(\*) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Bên ủy thác (khách hàng) được phép trả chậm vốn ủy thác với mức tối đa là 70% giá trị vốn ủy thác và Bên ủy thác có thể được thanh toán vốn ủy thác trả chậm thành nhiều đợt và thời gian trả chậm tối đa là 12 tháng. Bên nhận ủy thác (Công ty) được hưởng phí quản lý và phí ủy thác. Trong trường hợp Bên ủy thác không hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Bên nhận ủy thác, Bên nhận ủy thác được quyền khấu trừ các nghĩa vụ tài chính vào thu nhập ủy thác và/hoặc số cổ phần ủy thác thực tế của Bên ủy thác.

(\*\*) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán theo giá định trước bằng một tỷ lệ nhất định so với giá thị trường tại thời điểm mua, Bên mua cam kết sẽ bán lại chứng khoán cho bên bán với giá định trước sau thời gian tối đa là 12 tháng. Trường hợp giá thị trường của cổ phiếu suy giảm qua một tỷ lệ nhất định, Bên mua có quyền yêu cầu bên bán mua lại hoặc thanh lý số cổ phiếu để thu hồi vốn đầu tư. Tại ngày 30/06/2011, giá trị các chứng khoán này không suy giảm so với giá cam kết mua lại nên không phải lập dự phòng.

(\*\*\*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư góp vốn vào các dự án bất động sản. Các hợp đồng hợp tác đầu tư này có thời hạn thu hồi vốn dưới 12 tháng và PV2 được hưởng lãi suất theo kết quả đầu tư nhưng không thấp hơn mức ấn định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(\*\*\*\*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được trích lập như sau:

Đối với các chứng khoán đã niêm yết, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá thị trường tại ngày 30/06/2011.

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, Công ty tham khảo giá giao dịch từ ba công ty Chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"), Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này là phù hợp với giá trị thực tế của khoản đầu tư.

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	863.871.030	226.000.030
Ký quỹ (*)	75.194.445.000	185.135.670.000
	<u><b>76.058.316.030</b></u>	<u><b>185.361.670.030</b></u>

(\*) Thể hiện khoản đặt cọc với mục đích tìm mua trái phiếu. Trong trường hợp không tìm được trái phiếu đáp ứng lãi suất kỳ vọng của Công ty, bên nhận đặt cọc sẽ phải hoàn trả lại số tiền ký quỹ cộng với lãi suất theo thỏa thuận.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	659.653.222	2.361.877.922	3.021.531.144
Tăng trong kỳ	51.990.000	-	51.990.000
Giảm trong kỳ	52.423.922	-	52.423.922
Tại ngày 30/06/2011	<u>659.219.300</u>	<u>2.361.877.922</u>	<u>3.021.097.222</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	557.225.326	1.343.752.236	1.900.977.562
Khấu hao trong kỳ	33.755.780	196.823.160	230.578.940
Giảm trong kỳ	37.908.695	-	37.908.695
Tại ngày 30/06/2011	<u>553.072.411</u>	<u>1.540.575.396</u>	<u>2.093.647.807</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/06/2011	<u><b>106.146.889</b></u>	<u><b>821.302.526</b></u>	<u><b>927.449.415</b></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><b>102.427.896</b></u>	<u><b>1.018.125.686</b></u>	<u><b>1.120.553.582</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	116.312.564.687	103.486.393.766
Tăng	7.816.658.160	12.826.170.921
Tại ngày cuối kỳ	<u>124.129.222.847</u>	<u>116.312.564.687</u>

Tại ngày 30/06/2011, Công ty đang đầu tư vào các dự án xây dựng nhà ở, biệt thự và văn phòng cho thuê tại tỉnh Đồng Nai.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

*Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:*

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số tiền đầu tư tại ngày 30/06/2011 (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	Thanh Trì, Hà Nội	15.400.000.000	30	30	Thực hiện các dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê ô tô.
Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Quỳnh - PVI Invest	Bình Sơn, Quảng Ngãi	100.000.000	45	45	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh bất động sản
<b>Tổng</b>		<u>15.500.000.000</u>			

**11. GÓP VỐN LIÊN DOANH**

*Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:*

STT	Tên đối tác	Dự án liên doanh	Vốn góp tại ngày 30/06/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 18	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở, văn phòng cho thuê và các hạng mục công trình hạ tầng khác tại phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	26.600.000.000	50
2	Công ty TNHH Khải Hưng	Kinh doanh mua bán các căn hộ tại chung cư cao tầng Sông Nhuệ - Kiến Hưng	5.430.601.775	20
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ	Dự án xây dựng và cải tạo lại chung cư cũ 1A - 1B Phùng Chí Kiên với tổng diện tích là 7000 m <sup>2</sup> , và dự án cải tạo khu nhà tập thể tại quận Long Biên.	15.000.000.000	30
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Dự án: Khu kho vận dịch vụ Logistic tại Khu công nghiệp Tiến Sơn, Bắc Ninh	13.000.000.000	10
	<b>Tổng</b>		<u>60.030.601.775</u>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. GÓP VỐN LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

*Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn liên doanh (theo thuyết minh số 10 và 11), Ban Tổng Giám đốc đã thu thập thông tin về tình hình tài chính và hoạt động của các công ty này để đánh giá giá trị khoản đầu tư. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng không có khoản tổn thất nào đáng kể cần phải điều chỉnh giá trị khoản đầu tư.*

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Fortika Trung Yên với số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 15.000.000.000 VND. Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Fortika Trung Yên là 15%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện mọi biện pháp để thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có tổn thất nào đáng kể cần phải điều chỉnh giá trị các khoản đầu tư.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.536.343.129	2.267.905.291
Các loại thuế khác	82.637.670	55.154.984
	<u><b>2.618.980.799</b></u>	<u><b>2.323.060.275</b></u>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HÀNG KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải trả khoản ủy thác vốn cho Công ty Cổ phần PVI (*)	159.679.861.111	53.146.527.778
Phải trả khoản hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần truyền thông bảo hiểm Dầu Khí	7.741.111.111	-
Phải trả khác	2.985.897.796	191.249.828
	<u><b>170.406.870.018</b></u>	<u><b>53.337.777.606</b></u>

*(\*) Khoản phải trả ủy thác vốn cho Công ty Cổ phần PVI được ký kết theo hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư PV2. Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 chịu rủi ro sử dụng vốn và trả phí ủy thác cho Công ty Cổ phần PVI.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	182.507.080.000	3.250.708.000	410.899.037	410.899.037	-	13.163.967.029	199.743.553.103
Tăng vốn trong năm	190.992.920.000	(331.074.000)	-	-	-	-	190.661.846.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	28.970.821.440	28.970.821.440
Tăng khác	-	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	993.800.000	993.800.000	-	(27.623.826.900)	(25.636.226.900)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>373.500.000.000</b>	<b>2.919.634.000</b>	<b>1.404.699.037</b>	<b>1.404.699.037</b>	<b>-</b>	<b>15.110.961.569</b>	<b>394.339.993.643</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	12.720.370.673	12.720.370.673
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.448.541.072	1.448.541.072	-	(6.373.580.717)	(3.476.498.573)
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	-	-	(3.146.641.789)	-	(3.146.641.789)
Giảm khác (***)	-	(129.247.000)	-	-	-	(67.795.922)	(197.042.922)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2011</b>	<b>373.500.000.000</b>	<b>2.790.387.000</b>	<b>2.853.240.109</b>	<b>2.853.240.109</b>	<b>(3.146.641.789)</b>	<b>21.389.955.603</b>	<b>400.240.181.032</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 07/04/2011, theo đó lợi nhuận năm 2010 được phân phối vào các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng ban điều hành và quỹ khen thưởng phúc lợi.

(\*\*) Mua cổ phiếu quỹ được Công ty thực hiện theo Nghị quyết số 12/NQ-HDQT ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Hội đồng Quản trị.

(\*\*\*) Giảm khác thể hiện chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.429.687.273
Doanh thu bán hàng hóa	24.797.426.263	45.667.704.485
	<b>24.797.426.263</b>	<b>47.097.391.758</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.658.347.461	- 1.913.212.986
Lãi đầu tư, cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	12.677.713.107	16.380.828.342
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.837.457.573	10.833.818.877
	<b>27.173.518.141</b>	<b>29.127.860.205</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Phí ủy thác quản lý vốn (*)	8.378.055.555	4.509.619.570
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.268.535.200	-
Chi phí tài chính khác	1.206.941.161	5.570.222.943
	<b>11.853.531.916</b>	<b>10.079.842.513</b>

*(\*) Phí ủy thác quản lý vốn phải trả PVI không bao gồm chi phí lãi vay của các khoản vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ 6 tháng đầu năm 2011 là 8.378.055.555 VND, tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ 6 tháng đầu năm 2011 là 6,9 %.*

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	30/06/2011	30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	16.831.889.314	19.744.550.302
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	563.225.000	1.652.575.598
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	177.410.250	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.446.074.564</b>	<b>18.091.974.704</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>4.111.518.641</b>	<b>4.522.993.676</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận</b>		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.720.370.673	15.221.556.626
<b>Số cổ phiếu</b>		
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.350.000	18.250.708
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>341</u>	<u>834</u>

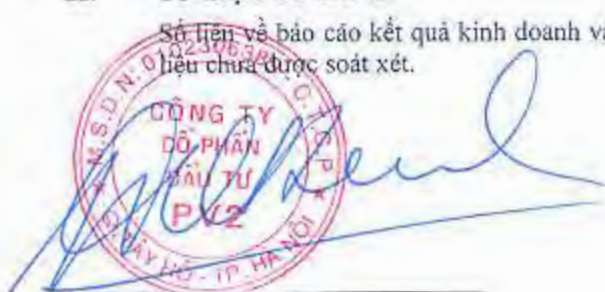
**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*


	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ cho Công ty Cổ phần PVI	-	2.231.589.504
Chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần PVI	-	26.400.000.000
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Phí ủy thác quản lý vốn trả cho Công ty Cổ phần PVI	7.349.444.444	4.509.619.570
Chi phí thuê văn phòng của Công ty Cổ phần PVI	-	734.797.350
Nhận chuyển nhượng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần PVI	-	66.000.000.000
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần PVI	-	8.172.360.000
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<u>30/06/2011</u>	<u>30/06/2010</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Phải trả Công ty Cổ phần PVI gốc và lãi ủy thác quản lý vốn	159.679.861.111	53.146.527.778
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
	<u>30/06/2011</u>	<u>30/06/2010</u>
	VND	VND
Lương và các khoản thưởng	324.000.000	1.525.375.000

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu về báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 là số liệu chưa được soát xét.

  
Đỗ Tuấn Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2011

  
Phan Xuân Thắng  
Kế toán trưởng